

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu dân cư Góc Bùn và Đồng Nhà thôn Hồng Kỳ, xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thọ Xuân

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Theo Nghị quyết số 2227/QĐ-UBND ngày 17/04/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Thọ Xuân về chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư Góc Bùn và Đồng Nhà thôn Hồng Kỳ, xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân; Quyết định số 1190/QĐ-UBND ngày 22/05/2022 của UBND huyện Thọ Xuân về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Khu dân cư Góc Bùn và Đồng Nhà thôn Hồng Kỳ, xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân;

Xét Văn bản số 7080/STNMT-BVMT ngày 4/8/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu dân cư Góc Bùn và Đồng Nhà thôn Hồng Kỳ, xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thọ Xuân;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1243/Tr-STNMT ngày 28/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu dân cư Góc Bùn và Đồng Nhà thôn Hồng Kỳ, xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng

huyện Thọ Xuân (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu dân cư Gốc Bù và Đồng Nhà thôn Hồng Kỳ, xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thọ Xuân.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Thọ Xuân, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thọ Xuân và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Xuân Bái (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án: Khu dân cư Góc Bùi và Đồng Nhà thôn Hồng Kỳ, xã Xuân Bái,
huyện Thọ Xuân của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thọ Xuân

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

1. Thông tin chung dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Khu dân cư Góc Bùi và Đồng Nhà thôn Hồng Kỳ, xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân.
- Địa điểm thực hiện: thôn Hồng Kỳ, xã Xuân Bái.
- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Thọ Xuân.
- + Người đại diện: Lê Chí Thế.
- + Chức vụ: Giám đốc Ban
- + Địa chỉ: Khu 1, Thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.
- + Điện thoại 0914 048 813.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Phạm vi: Khu đất lập dự án đầu tư có diện tích khoảng 4910m², thuộc địa giới hành chính thôn Hồng Kỳ, xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân.
- Quy mô dự án:
 - + Đầu tư xây dựng đồng bộ Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư bao gồm các hạng mục: San nền, công trình giao thông, công trình cấp nước, thoát nước mưa, nước thải, cấp điện, phòng cháy chữa cháy và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật khác.
 - + Quy mô sử dụng đất của dự án: 4910m², trong đó: đất ở chia lô: 2200 m²; đất hạ tầng kỹ thuật: 2710 m².
 - + Quy mô dân số của dự án 15 hộ (tương ứng khoảng 60 người).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục xây dựng gồm: San nền, công trình giao thông, công trình cấp nước, thoát nước mưa, nước thải, cấp điện và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật khác.
- Hoạt động của dự án:
 - + Giai đoạn thi công: Thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án;
 - + Giai đoạn vận hành: Thi công các công trình nhà ở; hoạt động của khu dân cư.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Các tác động chính của dự án chủ yếu trong giai đoạn thi công xây dựng như: Hoạt động giải phóng mặt bằng, san nền, thi công đường, thi công hệ thống cấp nước, thi công hệ thống thoát nước, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng... Các hoạt động này phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung... tác động đến dân cư và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

- Các tác động chính của dự án phát sinh trong giai đoạn vận hành: Từ các hoạt động xây dựng công trình nhà ở, sinh hoạt của người dân trong khu vực dự án, giao thông đi lại trên các tuyến đường... Các hoạt động này phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại... tác động đến dân cư, môi trường tự nhiên và các yếu tố xã hội khác.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng 1,75 m³/ngày, trong đó: Nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân 0,875 m³/ngày; Nước thải từ quá trình ăn uống 0,15 m³/ngày. Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) 0,725 m³/ngày. Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa thành phần như chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải từ quá trình rửa bồn trộn bê tông có khoảng 1,0 m³/ngày, nước thải vệ sinh thiết bị khoảng 1,5m³/ngày, chứa nhiều cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Lượng nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công 0,0042m³/s.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật gồm: bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án, bụi cuốn theo lốp xe,... Thành phần gồm bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂.

- Bụi và khí thải từ hoạt động thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật gồm: bụi từ đào đắp trên công trường, trút đổ nguyên vật liệu, thi công công trình, bụi và khí thải từ các máy móc thiết bị tiêu thụ dầu DO, bụi từ hoạt động vệ sinh móng đường cấp phối đá dăm trước khi lát nhựa, khí thải từ hoạt động tưới nhựa dính bám và từ lớp mặt đường bê tông nhựa trong quá trình thi công. Thành phần gồm bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂.

3.1.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 11,5 kg/ngày chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa catton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn xây dựng bao gồm: đất bóc đất hữu cơ, bùn nạo vét có khối lượng khoảng 592m^3 ; bao bì xi măng: 0,26 tấn; chất thải rắn từ quá trình xây dựng vật liệu rời như cát, đá dăm có khối lượng khoảng $8,5\text{m}^3$; chất thải rắn từ các loại vật liệu sử dụng trong quá trình thi công như mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại, gạch vỡ... khoảng 6,6 tấn.

3.1.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh gồm: giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa... khối lượng khoảng 5,0 kg/tháng.

- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu là dầu máy với lượng khoảng 30 lít/quá trình thi công (khi xảy ra sự cố hư hỏng thiết bị, máy móc).

3.1.5. Các tác động khác:

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động thi công của các loại máy móc, thiết bị trên công trường. Các đối tượng bị tác động bao gồm người dân sinh sống xung quanh khu vực dự án, công nhân thi công tại công trường và người dân tham gia giao thông qua khu vực dự án.

- Chiếm dụng diện tích đất trồng lúa nước, kênh mương và đường giao thông. Việc thu hồi đất trên ảnh hưởng tới các hộ dân bị mất đất sản xuất nông nghiệp, đất canh tác, ảnh hưởng hoạt động tưới tiêu thủy lợi, khu vực.

- Các rủi ro, sự cố môi trường: Rủi ro, sự cố bom mìn tồn lưu; tai nạn lao động; cháy nổ,...

3.2. Giai đoạn vận hành:

3.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án khoảng $9\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ (nước thải từ tắm, rửa tay, giặt: $4,5\text{m}^3/\text{ngày}$; nước thải nhà vệ sinh: $1,8\text{m}^3/\text{ngày}$; nước thải ăn uống: $2,7\text{m}^3/\text{ngày}$). Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động thực vật, Coliform,...

- Nước mưa chảy tràn ngày lớn nhất có lưu lượng $0,0056\text{m}^3/\text{s}$. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

3.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình phương tiện ra vào dự án; hoạt động của máy phát điện dự phòng; hoạt động nấu ăn, các công trình xử lý nước thải... Thành phần bao gồm: Bụi, khí CO, SO₂, NO₂, H₂S, NH₃,...

3.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ khu dân cư khoảng $60\text{kg}/\text{ngày.đêm}$. Thành phần chủ yếu là túi nilon, giấy, bìa carton, vỏ bao bì, thức ăn thừa...

- Ngoài ra, còn có chất thải quá trình phát sinh từ các hoạt động vệ sinh môi trường như: bùn thải từ hệ thống thu gom, tiêu thoát nước tại dự án.

3.2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của dự án khoảng $0,6\text{kg}/\text{ngày}$. Thành phần bao gồm: pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

4.1. Giai đoạn xây dựng:

4.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

** Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:*

- Quét dọn vệ sinh sau mỗi ngày làm việc, hạn chế các chất ô nhiễm bị cuốn theo nước mưa làm ô nhiễm nguồn nước.

- Tạo bờ bao quanh khu vực tập kết nguyên vật liệu nhằm hạn chế nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát, vật liệu xây dựng...

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa và hố gas tạm để thoát nước mưa, khoảng cách giữa các hố gas 30m/hố gas; rãnh thoát nước mưa là các rãnh đào tạm thời với kích thước $R \times C = 0,4m \times 0,4m$; các hố gas tạm có kích thước $D \times R \times H = 1m \times 1m \times 1m$; nước mưa chảy tràn sau khi thu gom chảy ra mương phía Tây dự án.

** Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:*

- Đối với nước thải tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân: Đào hố lắng có $V = 1m^3$ kết cấu bằng đất đầm chặt, phủ bạt nhựa HDPE xung quanh) để loại bỏ chất rắn lơ lửng, nước thải sau lắng sẽ được thoát ra mương thoát nước phía Nam dự án.

- Nước thải từ quá trình ăn uống được dẫn vào bể tách dầu mỡ thể tích hố lắng: $0,5 m^3$, kích thước: (dài x rộng x cao) = $1m \times 1m \times 0,5m$ kết cấu bằng đất đầm chặt, phủ bạt nhựa HDPE xung quanh. Váng dầu mỡ được nhà thầu gạt vớt vào xô rác tập trung chung với chất thải sinh hoạt, sau đó thuê đơn vị dịch vụ môi trường địa phương vận chuyển xử lý theo quy định.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) được xử lý bằng 2 nhà vệ sinh di động (Đơn vị thi công thuê và đặt tại khu lán trại). Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 1 lần/ngày) bằng xe chuyên dụng.

** Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:*

Thu gom về 01 bể tách dầu mỡ thể tích $2m^3$ (kích thước: dài x rộng x cao = $2,0m \times 1,0m \times 1m$) tại khu vực lán trại, kết cấu bằng đất đầm chặt, phủ bạt nhựa HDPE xung quanh. Váng dầu mỡ được thu gom, lưu giữ và xử lý cùng với chất thải nguy hại.

4.1.2. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, công nhân phải được bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý.

- Phun nước tạo độ ẩm, giảm nồng độ bụi phát tán trong khu vực thi công và dọc tuyến đường vận chuyển liên xã qua dự án với chiều dài 200m tính từ công khu vực dự án về 2 phía. Dùng xe téc $5m^3$, phun theo ống đục lỗ nằm ngang phía dưới téc. Tần suất phun nước 04 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh tại một số vị trí nhạy cảm như tuyến đường qua các khu dân cư lân cận.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe.

4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt:

Trang bị 02 thùng (dung tích 20 lít/thùng) đặt tại khu vực lán trại. Toàn bộ rác thải sinh hoạt được đơn vị thi công thuê đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 1 ngày/lần.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng:

- Đất bóc hữu cơ được tận dụng để đắp tại vị trí khuôn viên cây xanh, khu HTKT của dự án.

- Khối lượng đất phong hóa, vật liệu rời rơi vãi... tận dụng san nền.

- Đối với sắt, thép thừa, bao bì xi măng... thu gom tập trung về khu vực lán trại công nhân để tái sử dụng hoặc bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Chất thải rắn nguy hại: Trang bị 01 thùng chứa dung tích 100 lít/thùng có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt tại khu vực có mái che bằng tôn, nền cao, tránh nước mưa. Hợp đồng đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải lỏng nguy hại: Trang bị 01 thùng phuy (dung tích 100l) có dán nhãn mác, có nắp đậy để lưu giữ, đặt tại khu vực có mái che bằng tôn, nền cao, tránh nước mưa. Hợp đồng đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

4.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và các sự cố môi trường:

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, rung:

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng thiết bị thi công

- Hạn chế tối đa các máy móc, phương tiện thi công hoạt động đồng thời gây tiếng ồn cộng hưởng.

- Khi vận chuyển vật liệu xây dựng và vật liệu đổ thải qua đường đông dân cư, yêu cầu đơn vị thi công không vận chuyển vào thời gian cao điểm (17h-18h), ban đêm (22h-5h sáng) để tránh gây ồn ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân.

- Các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công phải đảm bảo độ rung nằm trong giới hạn cho phép QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

- Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất:

Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và đền bù đất, hoa màu, nuôi trồng thủy sản theo đơn giá vào thời điểm kiểm đếm chi tiết, bảo

đảm đủ, kịp thời ngân sách cho công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo nghề đề xuất trong phương án bồi dưỡng hỗ trợ và tái định cư.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tai nạn lao động, tai nạn giao thông:*

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân trong quá trình thi công theo quy định; bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

+ Phương tiện vận chuyển sử dụng đảm bảo các quy định về đặc tính kỹ thuật, tuân thủ theo đúng tuyến đường vận chuyển đã được phê duyệt; quá trình tập kết nguyên vật liệu tránh tập trung vào một thời điểm, không vận chuyển vào giờ đi làm, tan làm của công nhân trong khu công nghiệp.

+ Trong điều kiện trời mưa lớn đơn vị thi công dừng toàn bộ quá trình thi công để đảm bảo an toàn cho công nhân cũng như máy móc, thiết bị.

+ Lắp biển báo công trường đang thi công tại những nơi phù hợp, dễ quan sát.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn:

+ *BQL dự án ĐTXD huyện Thọ Xuân:*

- Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa B50 để tiêu thoát nước mưa. Nước mưa đầu nổi vào mương phía Nam dự án.

- Yêu cầu các hộ gia đình khi thi công xây dựng nhà phải xây dựng hệ thống thoát nước mưa phù hợp để đầu nối với hệ thống thoát nước mưa trong KDC.

+ *UBND xã Xuân Bái:* thuê đơn vị chức năng định kỳ nạo vét, khơi thông và cải tạo hệ thống tiêu thoát nước mưa khi bị hư hỏng xuống cấp, đảm bảo tiêu thoát hết nước khi có mưa, không gây ngập úng. Tần suất 2 lần/năm.

+ *Đối với hộ dân:*

- Các hộ dân lắp đặt các đường ống thu gom, thoát nước mưa từ nhà để đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KDC.

- Hộ dân trong khu dân cư có trách nhiệm bảo vệ công trình thu gom, thoát nước, không làm hư hỏng, tắc hệ thống thoát nước mưa.

b. Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các hộ dân

+ *Đối với BBQL dự án đầu tư xây dựng huyện Thọ Xuân:*

- Chủ dự án sẽ thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước nước thải BxH = 50x60cm để dẫn nước thải ra mương tiêu phía Tây khu vực.

- Khi huyện Thọ Xuân xây dựng Trạm xử lý nước thải theo Quy hoạch tại Quyết định số 4493/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 (Công suất 5600m³/ngày đêm) tại thị trấn Lam Sơn – Sao Vàng thì sẽ đầu nối nước thải của KDC về Trạm XLNT để xử lý.

+ *Đối với UBND xã Xuân Bái:*

UBND xã Xuân Bái sẽ yêu cầu các hộ gia đình khi xây dựng nhà cửa phải có biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt từ công nhân,... Các hộ gia đình phải xây dựng bể tự hoại phù hợp, thiết bị tách dầu mỡ để xử lý nước thải trước khi thải ra hệ thống thoát nước khu vực.

+ *Đối với các hộ gia đình:*

Đối với nước thải sinh hoạt của các hộ gia đình sẽ được xử lý qua các bể tự hoại cải tiến, thể tích tối thiểu $V_{\text{tốt}} = 3\text{m}^3$ (Kích thước H = 1,2m; B = 0,8m; L = 3,1m), lắp thiết bị tách dầu mỡ tại mỗi hộ gia đình trước khi đổ vào hệ thống thoát nước thải D300. Số bể tự hoại cải tiến là 15 bể, số thiết bị tách dầu mỡ 15 bể.

4.2.2. Về bụi, khí thải

a. Đối với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thọ Xuân.

- Trồng cây xanh (cây sao đen và cây sấu, bằng lăng) trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường (hố trồng cây bố trí vào giữa 2 lô đất, khoảng cách trồng cây từ 10-16m/cây; đặt cách mép bó vỉa đường 2,0m và thẳng hàng theo tuyến đường) và trong khu vực dự án theo đúng mặt bằng quy hoạch đã được phê duyệt; đúng tỉ lệ cây xanh theo quy định.

- Thiết kế, xây dựng các tuyến đường giao thông trong khu dân cư đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật để giảm bụi phát sinh trên đường.

b. Đối với UBND xã Xuân Bái:

- Thường xuyên nạo vét, khơi thông cống rãnh thu gom nước thải, hố ga, hệ thống thoát nước mưa với tần suất tối thiểu 2 lần/năm.

c. Đối với các hộ gia đình:

+ Các hộ gia đình khi xây dựng nhà cửa phải có biện pháp thu gom, quản lý vật liệu; hạn chế rơi vãi, phát tán bụi, khí thải ra môi trường xung quanh; khi vận chuyển nguyên nhiên vật liệu phục vụ thi công dự án, yêu cầu nhà cung cấp phủ bạt kín, chở đúng tải trọng xe theo quy định,...

+ Nghiêm cấm các hộ gia đình đốt chất thải, lá cây.

+ Các hộ gia đình sẽ bổ sung chế phẩm khử mùi đối với các bể phốt xử lý nước thải sinh hoạt;

+ Khuyến khích các hộ gia đình tự nguyện tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường, quét dọn khuôn viên, đường giao thông trước nhà.

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý CTR thông thường

a. Đối với UBND xã Xuân Bái.

+ Tuyên truyền, phổ biến kiến thức nhằm nâng cao nhận thức người dân về thu gom, phân loại CTR.

+ Định kỳ tiến hành nạo vét cống rãnh và thông báo rộng rãi cho toàn Khu dân cư biết trước khi triển khai.

+ Xây dựng kế hoạch quản lý CTR cho khu dân cư phù hợp với kế hoạch quản lý CTR của địa phương. Hợp đồng thuê đơn vị thu gom rác thải vận chuyển về khu xử lý rác thải tập trung tại huyện Thọ Xuân với tần suất 1 ngày/lần.

+ Quản lý, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật đã được đầu tư xây dựng (đường giao thông, cấp nước, thoát nước, cấp điện, cây xanh...)

+ Đặt biển báo cấm vứt rác bừa bãi, bỏ rác đúng nơi quy định. Hợp đồng với đơn vị dịch vụ môi trường địa phương thu gom và xử lý với tần suất 1 lần/ngày.

b. Đối với các hộ gia đình

+ Các hộ gia đình khi xây nhà có trách nhiệm thu gom chất thải rắn sinh hoạt công nhân, chất thải xây dựng và có biện pháp xử lý phù hợp với từng loại chất thải. Không xả chất thải gây ô nhiễm môi trường trong KDC.

+ Các hộ gia đình tự trang bị thùng rác để thu gom, phân loại tại nguồn và nộp phí thu gom, xử lý rác theo đúng quy định của địa phương.

+ Các hộ gia đình không được xả chất thải ra khu dân cư gây ô nhiễm môi trường.

4.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý CTNH

a. Đối với UBND xã Xuân Bái:

- Trang bị các thùng rác màu đen có nắp đậy, loại 120 lit (đặt tại các nhà văn hóa thôn, trạm y tế, công sở xã) để thu gom CTNH từ hoạt động của các gia đình. Hướng dẫn người dân thu gom, phân loại và thải bỏ CTNH đúng quy định theo kế hoạch của UBND xã.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển xử lý theo quy định.

b. Đối với các hộ gia đình: Các gia đình tự thu gom, phân loại và bỏ vào thùng đựng CTNH được bố trí tại các vị trí do UBND xã quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

Theo quy định tại Điều 111, 112, Luật BVMT 2020; Điều 97, 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022, dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường nước thải, bụi, khí thải.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đối với các loại chất thải phát sinh phải được thu gom, quản lý và xử lý đạt các yêu cầu quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; các tiêu

chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.